

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1879/2007/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 08 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định suất đầu tư, thực hiện ký quỹ đầu tư,
hoàn trả ký quỹ đầu tư tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên tại Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ tháng 8 năm 2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1634/SKHĐT-KTXH ngày 01 tháng 10 năm 2007; Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 1780/STC-NS ngày 18 tháng 9 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định suất đầu tư, thực hiện ký quỹ đầu tư, hoàn trả ký quỹ đầu tư tạm thời trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, các sở chức năng liên quan, Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Tuy Hòa, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về suất đầu tư, thực hiện ký quỹ đầu tư, hoàn trả ký quỹ đầu tư tạm thời
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1879/2007/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

Quy định các nội dung liên quan đến suất đầu tư, ký quỹ đầu tư và hoàn trả tiền ký quỹ đầu tư.

Nhằm cụ thể hoá các chính sách thu hút đầu tư đã được UBND tỉnh ban hành và mời chào các nhà đầu tư có tâm huyết đầu tư thật sự; giải quyết các thủ tục đầu tư trong thời gian nhanh nhất theo quy định hiện hành.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho các dự án đầu tư không sử dụng vốn ngân sách nhà nước được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

Chương II

HỖ TRỢ NHÀ ĐẦU TƯ LẬP CÁC THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 3. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Là đơn vị đầu mối gặp mặt, tiếp nhận các hồ sơ về thủ tục đầu tư của nhà đầu tư.

- Hướng dẫn nhà đầu tư các bước lập thủ tục, có trách nhiệm đôn đốc các ngành liên quan trong việc lập, thẩm tra, thẩm định các thủ tục đầu tư theo quy định chung đã được UBND tỉnh ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng liên quan đến việc lập, thẩm định, thẩm tra các thủ tục đầu tư

Nghiêm túc thực hiện các quy định về thu hút đầu tư của tỉnh đã được ban hành như: Quy định về thủ tục hồ sơ giải quyết công việc trên một số lĩnh vực tại Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 04/5/2007 của UBND tỉnh Phú Yên); Quy định thời gian giải quyết một số thủ tục

đầu tư đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên (ban hành kèm theo Quyết định số 711/2007/QĐ-UBND ngày 17/4/2007 của UBND tỉnh Phú Yên) và một số quy định khác.

Điều 5. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

- Đăng ký suất đầu tư, cam kết thực hiện theo đúng suất đầu tư đã đăng ký; ký quỹ đầu tư theo Quy định này.

- Lập Văn phòng đại diện hoặc cử người đại diện của nhà đầu tư tại tỉnh để xây dựng dự án; phối hợp thường xuyên với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đơn đốc thực hiện các bước lập thủ tục đầu tư của dự án; phản ánh kịp thời những khó khăn vướng mắc lên UBND tỉnh để giải quyết nếu có.

Chương III

SUẤT ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN KÝ QUỸ ĐẦU TƯ, HOÀN TRẢ TIỀN KÝ QUỸ ĐẦU TƯ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 6. Suất đầu tư/ha

Suất đầu tư là lượng vốn đầu tư được tính bằng tiền Việt Nam đầu tư trên 1 ha đất tự nhiên hoặc đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng của dự án. Suất đầu tư được xác định bằng tổng mức đầu tư của dự án chia cho diện tích đất tự nhiên của dự án.

Suất đầu tư tối thiểu cho từng địa bàn và từng lĩnh vực cụ thể được tính theo công thức tại Phụ lục đính kèm.

Điều 7. Mức ký quỹ đầu tư

Mức ký quỹ đầu tư cụ thể cho từng dự án được tính bằng 5% tổng mức đầu tư đã quy định tại Điều 6 nhưng không dưới 100 triệu đồng và không quá 2 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Đối với Sở Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ủy quyền cho Sở Tài chính mở sổ sách, theo dõi, quản lý, hạch toán, quyết toán số tiền ký quỹ của Nhà đầu tư trên tài khoản tiền gửi riêng biệt tại Chi nhánh Ngân hàng phát triển tỉnh Phú Yên, không đưa vào thu ngân sách nhà nước hoặc chuyển lại cho chủ dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 9. Đối với nhà đầu tư

- Sau thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo cho phép chủ trương đầu tư của UBND tỉnh thì nhà đầu tư phải tiến hành lập các thủ tục ký quỹ. Nếu sau thời gian 10 ngày làm việc mà Nhà đầu tư không thực hiện ký quỹ đương nhiên thông báo cho chủ trương đầu tư của dự án hết hiệu lực.

- Toàn bộ số tiền ký quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền gửi: ký quỹ của các nhà đầu tư do Sở Tài chính mở tại Chi nhánh Ngân hàng phát triển tỉnh Phú Yên và được tính lãi suất theo quy định hiện hành.

- Giấy chứng nhận ký quỹ đầu tư được lưu tại Sở Tài chính. Sở Tài chính có trách nhiệm sao gửi cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Nhà đầu tư để làm cơ sở lập thủ tục các bước đầu tư tiếp theo.

Điều 10. Hoàn trả tiền ký quỹ và xử lý vi phạm

- Trường hợp Nhà đầu tư tiến hành triển khai dự án: số tiền ký quỹ được hoàn trả dần tiền theo tiến độ thực hiện đầu tư của dự án. Hoàn trả 50% tiền ký quỹ cho Nhà đầu tư sau khi dự án khởi công hạng mục chính và tiếp tục hoàn trả 100% tiền ký quỹ khi khối lượng công trình đạt 50% (cả vốn và lãi ngân hàng).

- Trường hợp Nhà đầu tư không triển khai thực hiện đầu tư theo thời gian đã được cấp phép mà không có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì số tiền ký quỹ sẽ được xung vào ngân sách nhà nước (để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội tại địa phương).

- Trường hợp Nhà đầu tư có triển khai thực hiện đầu tư nhưng thấp hơn suất đầu tư đã cam kết mà không có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền đồng ý, UBND tỉnh sẽ thu hồi và chấm dứt hiệu lực của dự án và không được bồi hoàn bất cứ một khoảng chi phí nào mà nhà đầu tư đã thực hiện (kể cả 50% vốn đã ký quỹ).

- Mọi sự chậm trễ, trở ngại về thủ tục đầu tư mà trách nhiệm thuộc về các cơ quan chức năng của tỉnh, UBND tỉnh sẽ xử lý nghiêm đơn vị đó theo quy định hành chính nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm các sở, ban, ngành:

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Quy định này.

- Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài Nguyên và Môi trường, UBND các huyện và thành phố Tuy Hòa có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, công khai thủ tục hành chính cho các công tác thuộc sở, địa phương mình quản lý.

- Các văn bản về thủ tục đầu tư của các cơ quan phải gửi về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở quản lý ngành biết để kiểm tra, theo dõi.

- Định kỳ 6 tháng, Sở Tài chính phải có báo cáo cho UBND tỉnh về số tiền ký quỹ của các nhà đầu tư.

Điều 12. Xử lý chuyển tiếp các dự án đã được UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư trước khi ban hành Quy định này

Đối với các dự án đã cho chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục hồ sơ dự án mà có suất đầu tư phù hợp với Quy định này, Sở Tài chính có thông báo, hướng dẫn Nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ. Thời gian Nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

Đối với các dự án đã cho chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục hồ sơ dự án nhưng suất đầu tư chưa phù hợp với Quy định này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư làm thủ tục trình UBND tỉnh điều chỉnh lại cho phù hợp; đồng thời sau 20 ngày làm việc kể từ ngày điều chỉnh chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ đầu tư.

Điều 13. Các nội dung khác về quản lý đầu tư xây dựng

Các nội dung khác về quản lý quy hoạch xây dựng; quản lý đầu tư xây dựng công trình; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giao đất xây dựng... không có trong Quy định này được thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Đây là quy định tạm thời, trong quá trình triển khai thực hiện sẽ có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có gì vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư (bằng văn bản) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc

PHỤ LỤC:
Suất đầu tư/ha

Suất đầu tư/ha của dự án là chỉ tiêu tối thiểu, trong đó bao gồm các chi phí xây lắp, thiết bị, chi khác.

Suất đầu tư được tính theo công thức: $I = I_c \times K_v$

Trong đó: I: suất đầu tư/ha

I_c : Suất đầu tư chuẩn/ha

K_v : Hệ số điều chỉnh theo vùng

(Vùng đồng bằng: $K_v = 0,8$; vùng miền núi: $K_v = 0,5$; vùng ven biển và hải đảo: $K_v = 1$)

Ví dụ 1: Một dự án đầu tư về du lịch sinh thái đầu tư tại vùng miền núi thì suất đầu tư/ha được tính như sau:

$$I = I_c \times K_v = 20 \times 0,5 = 10 \text{ (tỷ đồng/ha).}$$

Ví dụ 2: Một dự án đầu tư về du lịch sinh thái đầu tư tại vùng ven biển và hải đảo thì suất đầu tư/ha được tính như sau:

$$I = I_c \times K_v = 20 \times 1 = 20 \text{ (tỷ đồng/ha).}$$

Suất đầu tư chuẩn của từng ngành cụ thể theo biểu sau:

STT	Tên ngành	Suất đầu tư chuẩn/ha (tỷ đồng)
A	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	
I	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	
1	Trồng cây hàng năm	0,05
2	Trồng cây lâu năm	0,02
3	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0,1
4	Chăn nuôi	1
II	Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0,02
III	Thủy sản	
1	Nuôi trồng thủy sản	5
C	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	
1	Sản xuất chế biến thực phẩm	30
	<i>Trong đó: chế biến hạt điều</i>	10
2	Sản xuất đồ uống	50
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	50
4	May mặc	20
5	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	10
6	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	30
7	In, sao chép bản ghi các loại	20
8	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	40

STT	Tên ngành	Suất đầu tư chuẩn/ha (tỷ đồng)
9	Sản xuất kim loại	50
10	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	50
E	CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	
1	Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	10
F	XÂY DỰNG	
I	Công trình xây dựng dân dụng	
1	Nhà cao < 6 tầng	30
2	Nhà cao >= 6 tầng	50
3	Nhà ở riêng lẻ	10
II	Công trình xây dựng chuyên dụng	
1	Nhà máy sản xuất xi măng	50
2	Nhà máy sản xuất gạch ốp lát Ceramic, Granit	20
4	Nhà máy sản xuất gạch, ngói đất sét nung	7
5	Nhà máy sản xuất sứ vệ sinh	30
6	Nhà máy sản xuất kính xây dựng	25
7	Nhà máy cấu kiện bê tông đúc sẵn và trạm trộn bê tông	15
8	Công trình nhà xưởng và kho thông dụng	10
9	Công trình nhà máy cấp nước	35
G	THƯƠNG MẠI, VẬN TẢI	
1	Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm	20
2	Dịch vụ vận tải, kho bãi	15
3	Xăng dầu	15
H	DỊCH VỤ DU LỊCH	
1	Khách sạn < 3 sao	30
2	Khách sạn >= 3 sao	50
3	Du lịch sinh thái	20
I	HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	
1	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	3
2	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	10
P	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Giáo dục mầm non	10
2	Giáo dục tiểu học, trung học	13
3	Đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học	60
Q	Y TẾ	
1	Bệnh viện < 100 giường	30
2	Bệnh viện >= 100 giường	50
R	THỂ THAO, VĂN HÓA	
1	Công trình thể thao	12
2	Công trình văn hóa	20

